

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	1213180002	Võ Thị Cẩm An	12/07/1987	02KT14E1	5.2	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ Bình	20/10/1995	02KT14E1	6.8	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim Cương	01/12/1999	02KT14E1	0.8	Học lại
4	0213240022	Tạ Trường Đạt	02/11/2000	02KT14E1	0.3	Học lại
5	1213240040	Lưu Thanh Điền	12/05/1995	02KT14E1	8.3	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn Điền	15/09/1998	02KT14E1	8.3	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ Dung	30/08/1988	02KT14E1	9.1	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy Dương	03/11/1996	02KT14E1	6.7	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/1992	02KT14E1	8.5	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/11/1996	02KT14E1	8.5	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh Hiền	10/04/1982	02KT14E1	9.5	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	02/08/1992	02KT14E1	8.9	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh Hùng	20/03/1996	02KT14E1	9.0	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên Hương	08/09/1993	02KT14E1	8.0	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim Lợi	25/01/1983	02KT14E1	7.5	Đạt
16	0213240001	Mai Kim Ngân	20/07/2000	02KT14E1	0.0	Học lại
17	2213240114	Trần Ngọc Ngân	05/01/1999	02KT14E1	7.3	Đạt
18	0213240020	Đặng Đình Anh Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	6.1	Đạt
19	0213240026	Võ Minh Nhật	05/11/1993	02KT14E1	7.7	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng Nhung	15/05/1996	02KT14E1	8.3	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm Phương	27/01/1985	02KT14E1	7.0	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	7.6	Đạt
23	2213240080	Lê Ngọc Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	8.2	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
24	0213240011	Trần Trúc Thanh	19/03/1997	02KT14E1	6.1	Đạt
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1991	02KT14E1	5.3	Đạt
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	17/08/1991	02KT14E1	8.4	Đạt
27	1213240029	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	7.8	Đạt
28	0213240004	Nguyễn Anh Thư	07/09/2002	02KT14E1	7.9	Đạt
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	16/06/1994	02KT14E1	5.9	Đạt
30	0213240019	Trần Thị Ngọc Trâm	07/01/2000	02KT14E1	5.3	Đạt
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh Trân	31/08/2000	02KT14E1	6.0	Đạt
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy Trang	03/03/1987	02KT14E1	6.9	Đạt
33	0213180003	Tạ Thị Thu Trang	31/01/1997	02KT14E1	8.1	Đạt
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm Tú	16/07/1993	02KT14E1	6.7	Đạt
35	1213240032	Nguyễn Văn Tùng	15/05/1998	02KT14E1	8.3	Đạt
36	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	02KT14E1	6.9	Đạt
37	1213240053	Trần Thị Phương Vy	23/12/1994	02KT14E1	8.6	Đạt
38	2203360291	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/11/2000	02KT13D1	7.9	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	1213180002	Võ Thị Cẩm An	12/07/1987	02KT14E1	7.3	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ Bình	20/10/1995	02KT14E1	8.0	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim Cương	01/12/1999	02KT14E1	1.2	học lại
4	0213240022	Tạ Trường Đạt	02/11/2000	02KT14E1	0.0	học lại
5	1213240040	Lưu Thanh Điền	12/05/1995	02KT14E1	7.8	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn Điền	15/09/1998	02KT14E1	7.4	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ Dung	30/08/1988	02KT14E1	9.1	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy Dương	03/11/1996	02KT14E1	7.5	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/1992	02KT14E1	7.5	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/11/1996	02KT14E1	8.0	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh Hiền	10/04/1982	02KT14E1	8.5	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	02/08/1992	02KT14E1	8.0	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh Hùng	20/03/1996	02KT14E1	8.9	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên Hương	08/09/1993	02KT14E1	8.1	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim Lợi	25/01/1983	02KT14E1	7.7	Đạt
16	0213240001	Mai Kim Ngân	20/07/2000	02KT14E1	0.0	học lại
17	2213240114	Trần Ngọc Ngân	05/01/1999	02KT14E1	6.8	Đạt
18	0213240020	Đặng Đình Anh Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	6.9	Đạt
19	0213240026	Võ Minh Nhật	05/11/1993	02KT14E1	7.4	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng Nhung	15/05/1996	02KT14E1	7.7	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm Phương	27/01/1985	02KT14E1	9.1	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	7.6	Đạt
23	2213240080	Lê Ngọc Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	7.3	Đạt
24	0213240011	Trần Trúc Thanh	19/03/1997	02KT14E1	7.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1991	02KT14E1	7.1	Đạt
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	17/08/1991	02KT14E1	7.9	Đạt
27	1213240029	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	8.0	Đạt
28	0213240004	Nguyễn Anh Thư	07/09/2002	02KT14E1	7.9	Đạt
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	16/06/1994	02KT14E1	8.8	Đạt
30	0213240019	Trần Thị Ngọc Trâm	07/01/2000	02KT14E1	6.4	Đạt
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh Trân	31/08/2000	02KT14E1	8.3	Đạt
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy Trang	03/03/1987	02KT14E1	8.8	Đạt
33	0213180003	Tạ Thị Thu Trang	31/01/1997	02KT14E1	8.1	Đạt
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm Tú	16/07/1993	02KT14E1	8.5	Đạt
35	1213240032	Nguyễn Văn Tùng	15/05/1998	02KT14E1	8.0	Đạt
36	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	02KT14E1	7.7	Đạt
37	1213240053	Trần Thị Phương Vy	23/12/1994	02KT14E1	7.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN EXCEL

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
						TB Môn	KQ1
1	1213180002	Võ Thị Cẩm	An	12/07/1987	02KT14E1	8.9	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ	Bình	20/10/1995	02KT14E1	6.7	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim	Cương	01/12/1999	02KT14E1	0.0	học lại
4	0213240022	Tạ Trường	Đạt	02/11/2000	02KT14E1	0.0	học lại
5	1213240040	Lưu Thanh	Điền	12/05/1995	02KT14E1	9.6	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn	Điền	15/09/1998	02KT14E1	7.2	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ	Dung	30/08/1988	02KT14E1	9.6	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy	Dương	03/11/1996	02KT14E1	9.2	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương	Giang	22/04/1992	02KT14E1	8.9	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	03/11/1996	02KT14E1	9.6	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh	Hiền	10/04/1982	02KT14E1	9.9	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	02/08/1992	02KT14E1	6.8	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh	Hùng	20/03/1996	02KT14E1	6.5	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên	Hương	08/09/1993	02KT14E1	9.5	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim	Lợi	25/01/1983	02KT14E1	5.4	Đạt
16	0213240001	Mai Kim	Ngân	20/07/2000	02KT14E1	0.0	học lại
17	2213240114	Trần Ngọc	Ngân	05/01/1999	02KT14E1	0.0	học lại
18	0213240020	Đặng Đình Anh	Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	6.8	Đạt
19	0213240026	Võ Minh	Nhật	05/11/1993	02KT14E1	7.5	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng	Nhung	15/05/1996	02KT14E1	8.9	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm	Phương	27/01/1985	02KT14E1	9.6	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	8.9	Đạt
23	2213240080	Lê Ngọc	Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	8.4	Đạt
24	0213240011	Trần Trúc	Thanh	19/03/1997	02KT14E1	6.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KẾ TOÁN EXCEL

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1991	02KT14E1	0.0	học lại
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	17/08/1991	02KT14E1	6.8	Đạt
27	1213240029	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	7.4	Đạt
28	0213240004	Nguyễn Anh Thư	07/09/2002	02KT14E1	6.2	Đạt
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	16/06/1994	02KT14E1	7.2	Đạt
30	0213240019	Trần Thị Ngọc Trâm	07/01/2000	02KT14E1	6.5	Đạt
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh Trân	31/08/2000	02KT14E1	9.2	Đạt
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy Trang	03/03/1987	02KT14E1	5.3	Đạt
33	0213180003	Tạ Thị Thu Trang	31/01/1997	02KT14E1	9.6	Đạt
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm Tú	16/07/1993	02KT14E1	8.0	Đạt
35	1213240032	Nguyễn Văn Tùng	15/05/1998	02KT14E1	7.4	Đạt
36	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	02KT14E1	8.4	Đạt
37	1213240053	Trần Thị Phương Vy	23/12/1994	02KT14E1	9.2	Đạt
38	2203360291	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/11/2000	02KT13D1	9.3	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	1213180002	Võ Thị Cẩm An	12/07/1987	02KT14E1	5.6	Đạt
2	0213180004	Nguyễn Vũ Bình	20/10/1995	02KT14E1	6.5	Đạt
3	0213240008	Văn Thị Kim Cương	01/12/1999	02KT14E1	0.0	học lại
4	0213240022	Tạ Trường Đạt	02/11/2000	02KT14E1	0.0	học lại
5	1213240040	Lưu Thanh Điền	12/05/1995	02KT14E1	6.0	Đạt
6	0213240014	Bùi Văn Điền	15/09/1998	02KT14E1	5.6	Đạt
7	0213240018	Nguyễn Thị Lệ Dung	30/08/1988	02KT14E1	8.2	Đạt
8	0213240017	Mai Trần Thùy Dương	03/11/1996	02KT14E1	8.1	Đạt
9	2213180043	Nguyễn Thị Hương Giang	22/04/1992	02KT14E1	7.0	Đạt
10	0213240009	Nguyễn Thị Thanh Hiền	03/11/1996	02KT14E1	6.8	Đạt
11	2213180057	Lê Thị Thanh Hiền	10/04/1982	02KT14E1	9.7	Đạt
12	1213240014	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	02/08/1992	02KT14E1	6.6	Đạt
13	1213240037	Nguyễn Lê Thanh Hùng	20/03/1996	02KT14E1	5.8	Đạt
14	2213240138	Vũ Mai Thiên Hương	08/09/1993	02KT14E1	8.7	Đạt
15	0213240002	Hồ Kim Lợi	25/01/1983	02KT14E1	5.7	Đạt
16	0213240001	Mai Kim Ngân	20/07/2000	02KT14E1	0.0	học lại
17	2213240114	Trần Ngọc Ngân	05/01/1999	02KT14E1	4.4	Đạt
18	0213240020	Đặng Đình Anh Ngọc	10/08/1993	02KT14E1	5.2	Đạt
19	0213240026	Võ Minh Nhật	05/11/1993	02KT14E1	5.5	Đạt
20	0213180002	Nguyễn Hồng Nhung	15/05/1996	02KT14E1	8.1	Đạt
21	0213240021	Trần Thị Diễm Phương	27/01/1985	02KT14E1	7.2	Đạt
22	1213240003	Nguyễn Ngọc Quỳnh	25/11/1998	02KT14E1	6.4	Đạt
23	2213240080	Lê Ngọc Quỳnh	05/10/1999	02KT14E1	5.6	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
24	0213240011	Trần Trúc Thanh	19/03/1997	02KT14E1	3.9	Thi lại
25	0213240023	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/03/1991	02KT14E1	5.0	Đạt
26	2213240118	Nguyễn Ngọc Diệu Thiện	17/08/1991	02KT14E1	4.4	Đạt
27	1213240029	Nguyễn Văn Thịnh	29/06/1999	02KT14E1	6.4	Đạt
28	0213240004	Nguyễn Anh Thư	07/09/2002	02KT14E1	5.4	Đạt
29	0213240003	Đặng Huỳnh Thủy Tiên	16/06/1994	02KT14E1	5.6	Đạt
30	0213240019	Trần Thị Ngọc Trâm	07/01/2000	02KT14E1	5.6	Đạt
31	0213240006	Nguyễn Mai Huỳnh Trân	31/08/2000	02KT14E1	7.6	Đạt
32	0213240005	Nguyễn Phúc Thùy Trang	03/03/1987	02KT14E1	5.7	Đạt
33	0213180003	Tạ Thị Thu Trang	31/01/1997	02KT14E1	6.4	Đạt
34	1213240026	Văn Bảo Cẩm Tú	16/07/1993	02KT14E1	7.3	Đạt
35	1213240032	Nguyễn Văn Tùng	15/05/1998	02KT14E1	4.3	Đạt
36	2213240096	Phạm Thúy Vi	14/11/1993	02KT14E1	6.5	Đạt
37	1213240053	Trần Thị Phương Vy	23/12/1994	02KT14E1	7.2	Đạt
38	2203240110	Trần Thị Kim Ngân	23/07/1997	02KT13B1	6.2	Đạt
39	2203360291	Nguyễn Thị Bích Tuyền	19/11/2000	02KT13D1	6.5	Đạt